



PIONEER SHIPBROKERS CO., LTD.

(A MEMBER OF THE VIETNAM SHIPOWNER'S ASSOCIATION)

SHIP SALE & PURCHASE – CHARTERING – SHIP EVALUATION

No.32, Ngan Long villas, Nguyen Huu Tho Street, Nha Be District, HCMC

Tel: 028 38817289 Fax: 028 38817385

www.pioneershipbrokers.com.vn

Nhằm phục vụ nhu cầu của khách hàng và cập nhật thông tin thị trường ngày càng tốt hơn, công ty môi giới hàng hải Tiên Phong (Pioneer Shipbrokers) giới thiệu đến quý khách hàng ứng dụng **Pioneer Shipbrokers** có trên iOS và Android. Công cụ hữu ích cho khách hàng quan tâm lĩnh vực mua bán tàu biển và thông tin thị trường

TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

TUẦN 03/2020

14/01/2020 – 20/1/2020

1. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÃ QUA SỬ DỤNG:

Ở mảng tàu hàng khô, chỉ số thuê tàu BDI tuần này chỉ còn 689 điểm, giảm gần 20% so với tuần trước. Nguyên nhân là các nước Châu Á bắt đầu bước vào tuần nghỉ lễ năm mới kéo dài. Tết năm trước chỉ số BDI cũng chỉ quanh quẩn mốc trên 600 điểm chút nhưng sau đó thị trường sau Tết hồi phục nhanh nhưng năm nay sẽ khó khăn hơn do giá dầu lưu huỳnh thấp vẫn đang ở mức cao (trên dưới 650 đô la Mỹ / tấn). Ở mảng tàu hàng khô handysize, tuần này tàu Vanessa Oldendorff (38.165 dwt, đóng 2015 Nhật DD 12/2022 SS 1/2025) được chủ tàu Đức bán với giá 17,5 triệu đô la Mỹ nhưng cho chủ tàu thuê TC lại một năm. Đây là mức giá rất tốt trong thời điểm hiện nay. Có thông tin tàu Rook (37.852 dwt, đóng 2010 Trung Quốc DD/SS 6/2020) được bán với giá 7 triệu đô la Mỹ nhưng cần được kiểm chứng lại.

Ở mảng tàu dầu, nhìn chung thị trường hoạt động khá tích cực, đặc biệt là ở phân khúc MR. Nổi bật của tuần phải kể đến 4 tàu hóa chất cùng cỡ Manuela Bottiglieri, Alessandra Bottiglieri, Ghetty Bottiglieri và Mariella Bottiglieri (~40.100 dwt, đóng 2002 Hàn) về tay Người mua Trung Quốc với tổng giá trị thương vụ là 20,8 triệu đô la Mỹ. Cả 4 tàu này đều có hạn đà SS đến 2022. Một cặp tàu hóa chất cùng cỡ khác Mount Kibo và Mount Everest (~37.800 dwt, đóng 2010 Hàn) cũng được bán thành công với giá 14,9 triệu đô la Mỹ mỗi tàu. Được biết, hai tàu đều có hạn đà DD 03/2020, Người bán cũng cung cấp hệ thống BWTS (hệ thống xử lý nước dằn tàu) đi kèm theo thương vụ song chưa được lắp đặt sẵn.

Name	Blt year	Blt place	Dwt	Buyers	Price m.usd	Comment
BULKERS						
SCF Altai	2001	Korea	159,167	Greek, Sea Pioneer	17.70	DD Mar 2020
Sunny Young	2011	Korea	81,967	Greek	15.50	
Afterhours	2007	China	74,456	Greek, Niris	9.00	
TR Omaha	2014	China	63,581	Undisclosed	18.25	SS/DD passed Dec 2019, subs until 24 th Jan
Frieda Selmar	2004	Japan	55,718	Undisclosed	8.70	SS/DD freshly passed, no BWTS
Nordic Barents	1995	Korea	43,732	Russian	4.50	
Vanessa Oldendorff	2015	Japan	38,165	Undisclosed	17.50	1 year TC back, DD Dec 2022, SS Jan 2025
TANKERS						
Narmada Spirit	2003	Korea	159,199	New Shipping	19.10	
Chemical Pomer	2011	Croatia	52,579	Norwegian, Champion Tankers	24.50	Bank sale, chemical IMO II, epoxy phenolic coated, ice class 1B

Rich Wind	2009	Japan	47,401	Danish, Dee4 Capital	16.80	Pumproom type, epoxy coated
Manuela Bottiglieri	2002	Korea	40,166	Chinese	20.80	Chemical IMO III, epoxy coated, DD Sep 2020, SS Oct 2022
Alessandra Bottiglieri	2002	Korea	40,165			Chemical IMO III, epoxy coated, DD Jul 2020, SS Aug 2022
Ghetty Bottiglieri	2002	Korea	40,165			Chemical IMO III, epoxy coated, DD Jun 2020, SS Jun 2022
Mariella Bottiglieri	2002	Korea	40,165			Chemical IMO III, epoxy coated, DD Apr 2020, SS Apr 2022
Mount Kibo	2010	Korea	37,843	Undisclosed	14.90	Chemical IMO III, epoxy phenolic coated, SS/DD due Mar 2020 , uninstalled BWTS provided by Sellers
Mount Everest	2010	Korea	37,817		14.90	Chemical IMO III, epoxy phenolic coated, SS/DD due Mar 2020 , uninstalled BWTS provided by Sellers
CONTAINERS						
Cape Nassau	2010	China	23,327	Star Ocean	6.80	1740 teu, fully cellular , double hull, ice class II, Cr 2 x 45t , SS/DD Apr 2020, Singaporean owner
Mercs Jaffna	2009	China	16,908	German	4.80	1368 teu, fully cellular, ice class 1A, Cr 2x40t
OTHERS						
Ayanna	2010	Japan	3,848	Thai	9.50	LPG, 3447 CBM, double hull, SS Jun 2020
Zea Mahaweli	2010	China	12,349	German	4.80	MPP, tween deck, Cr 2x80t, Cr 1x45t, ice class II, SS/DD Sep 2020
Zea Kelani	2010	China	12,345		4.80	MPP, tween deck, Cr 2x80t, Cr 1x45t, ice class II, SS/DD Sep 2020

2. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÓNG MỚI:

Một số đơn hàng đóng mới trong tuần qua:

Type	Size	Price (m.usd)	No	Yard	Owners	Delivery	Comments
Tanker	158,000 dwt	65.00	2	Hyundai	Central Mare	2021	Price USD 65 mil each
Tanker	114,000 dwt	48.00	2	GSI, China	Torm	End 2021	Price USD 48 mil each
Tanker	113,000 dwt	50.00	1	Sumitomo, Japan	Lundqvist	2021	
Bulker	210,000 dwt	54.00	1	COSCO	Tianjin Xingang	2021	

3. THỊ TRƯỜNG THUÊ TÀU

3.1. Thị trường thuê tàu hàng khô:

Thị trường phân khúc **Supramax** tuần này khởi động chậm rãi và tăng dần lượng giao dịch trong tuần, đóng cửa ở mức 6.156 đô la Mỹ, giảm so với tuần trước là 6.267 đô la Mỹ. Tại Đại Tây Dương, Delivery Passing Ushant chốt tàu Nautical Anne (63.593 dwt, đóng 2016) chở phế liệu và trả tại Egypt với giá 9.500 đô la Mỹ. Tại Ấn Độ Dương, tàu LMZ Phoebe (56.733 dwt, đóng 2011) được chốt nhận tại Mina Sagr và trả tại West Coast India với giá 7.500 đô la Mỹ. Tàu Evans (53.507 dwt, đóng 2009) được chốt nhận tại Paradip và trả tại East Coast India với giá 5.500 đô la Mỹ. Ở Thái Bình Dương, tàu Aventicum (58.087 dwt, đóng 2010) được chốt nhận tại NoPac chở petcoke và trả tại China với giá 7.750 đô la Mỹ cộng thêm 250.000 đô la Mỹ phí Ballast. Tàu Amis Brave (61.467 dwt, đóng 2013) được chốt nhận tại East Kalimantan và trả tại West Coast





India với giá 7.250 đô la Mỹ. Tàu Densa Dolphin (58,722 dwt, đóng 2010) được chốt nhận tại Indonesia và trả tại China với giá 6.000 đô la Mỹ.

Mức cước phân khúc Handy tuần này đóng cửa ở mức 6.825 đô la Mỹ, giảm xuống đáng kể so với tuần trước là 7.352 đô la Mỹ. Tại Thái Bình Dương, tình hình tuần này không mấy khả quan khi hầu hết mức cước ở các khu vực đều giảm. Ở khu vực phía Bắc, các chuyến hàng tập trung ở size tàu 28.000 dwt, riêng ở khu vực NoPac không có nhiều giao dịch được báo cáo. Ở khu vực phía Nam có bước chuyển mình không mấy phần khởi. Tin đồn tàu 35.000 dwt được chốt nhận tại North Coast South America cho chuyến khai thác 3 đến 5 tháng và trả tại Atlantic. Tàu Clipper Triumph (30.472 dwt, đóng 2009) được chốt nhận tại Singapore với giá 3.000 đô la Mỹ chở alumina qua East Coast Australia đến ECI. Thị trường định hạn tuần này có vẻ im ắng dù lượng hàng dồi dào, nguyên nhân chủ yếu là do các chủ tàu vẫn đang đợi mức cước âm lên. Mức cước thị trường Đại Tây Dương tuần này tương tự tuần trước, ngoại trừ khu vực East Coast South America với sự trở lại của các chủ tàu. Tàu Maple Star (35.222 dwt, đóng 2012) được chốt nhận tại Bahi Blance với giá 12.800 đô la Mỹ. Tàu Mars Harmony (36.898 dwt, đóng 2011) được chốt nhận tại Recalada đến West Coast South America với giá 16.500 đô la Mỹ. Ở khu vực Mediterranean và Black Sea, mức cước giao động vào khoảng 4.000 đến 5.000 đô la Mỹ.

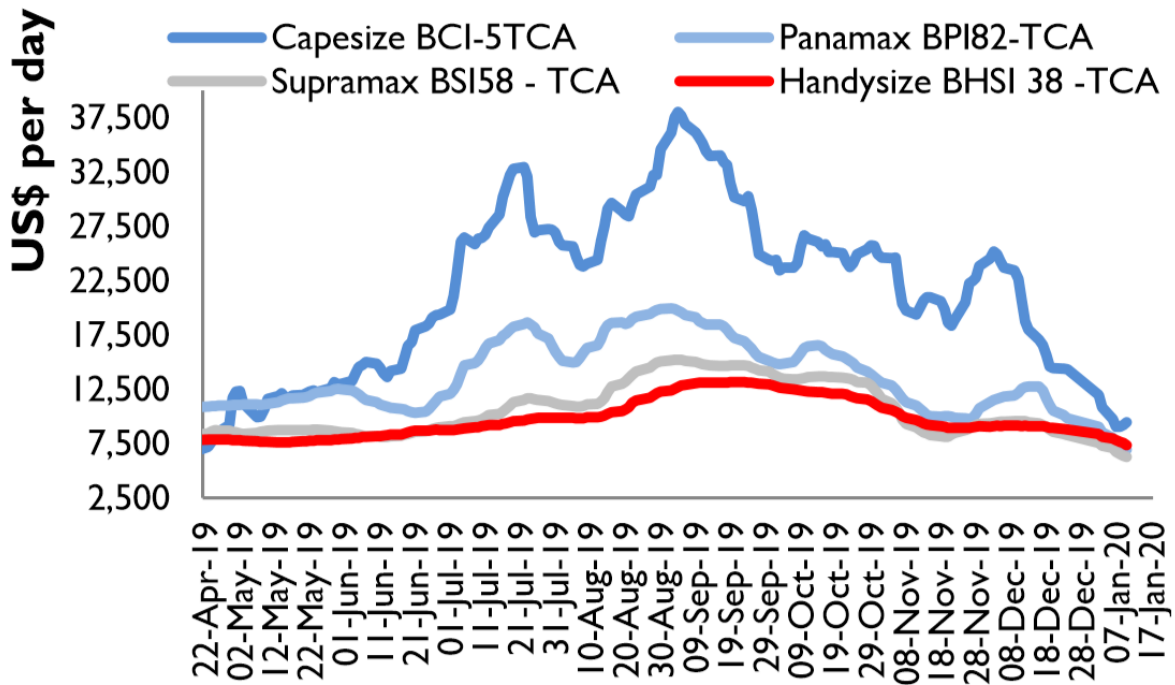
Bảng tham khảo cước một số khu vực trên thế giới trong Tuần 03/2020 vừa qua:

RATES/PANAMAX (USD/DAY, USD/TON)	TUẦN 03	TUẦN 02	Mức thấp nhất năm 2020 (cập nhật tới Tuần 03)	Mức cao nhất năm 2020 (cập nhật tới Tuần 03)
TRANSATLANTIC RV	5,985	767	767	5.985
TCT CONT/F.EAST	14,691	26,020	14,691	26,020
TCT F.EAST/CONT	1,693	603	1,693	603
TCT F.EAST RV	5,534	3,320	3,320	5,534
RATES/SUPRAMAXSIZE (USD/DAY)				
ATLANTIC RV	9,955	10,352	10,352	9,955
PACIFIC RV	4,464	4,414	4,414	4,464
TCT CONT/F.EAST	14,275	13,757	9,700	14,275

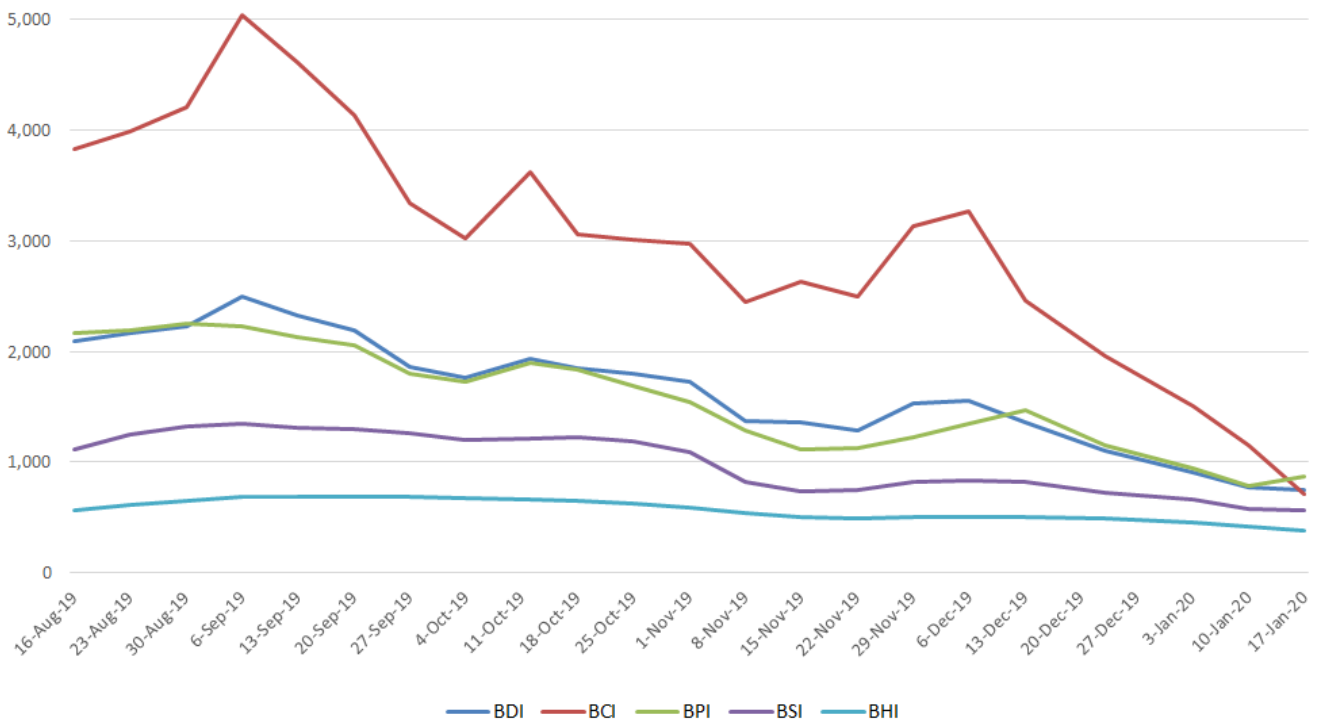
GIÁ THUÊ TÀU HÀNG KHÔ NGÀY 17/01/2020

	US\$/ngày	 / 
SUPRAMAX	6,156	 236
SMALL HANDY	4,859	 705

(sự tăng / giảm so sánh với giá trị tuần kế trước)



CHỈ SỐ TÀU THỊ TRƯỜNG HÀNG KHÔ



3.2. Thị trường thuê tàu hàng dầu

❖ THỊ TRƯỜNG TÀU VLCC

Lại một tuần nữa trôi qua và thị trường tàu VLCC vẫn đậm chần tại chỗ dù số lượng giao dịch tăng hơn 20 thương vụ so với tuần trước đó. Tháng 2 gần kề nhưng số lượng hàng hóa chuyên chở lại quá ít so với lượng tàu dư thừa. Tuy xung động giữa Mỹ và Iran giúp thúc đẩy các hoạt động chốt tàu dầu, song mặt khác do căng thẳng trên hầu hết khu vực vì sợ bị ảnh hưởng khiến cả chủ tàu lẫn bên thuê tàu e ngại hơn. Nhìn chung, cuộc thị trường VLCC có thể tiếp tục kém trong thời gian tới.

- Cước thuê tàu theo chuyến:

WS

Voyages	Size	RATE			
		This Week	Last Week	Low 2020	High 2020
MEG/West	VLCC	63,0	63,0	63,0	63,0
MEG/Japan	VLCC	125,0	125,0	125,0	125,0
MEG/Singapore	VLCC	125,0	125,0	125,0	125,0
WAFR/EAST	260.000	112,5	112,5	112,5	112,5

- Cước thuê tàu định hạn:

US\$

Period	Segment	RATE			
		This Week	Last Week	High 2020	Low 2020
1 year	VLCC	65.000	70.000	70.000	70.000

❖ THỊ TRƯỜNG TÀU AFRAMAX:

Tuần này, cước thị trường tàu Aframax cũng không mấy khá quan. Ở Baltic và North Sea, cước tiếp tục giảm. Phía Med và Black Sea, các tuyến yếu trọng đều giảm 20-30 điểm. Theo ghi nhận, cước trên tuyến TD19 hiện chỉ dao động quanh mức WS 150. Nhìn chung, không chỉ riêng thị trường tàu Aframax mà đối với cả ngành hàng hải sẽ gặp nhiều thách thức cũng như khó khăn trong giai đoạn đầu triển khai IMO 2020.

- Cước thuê tàu theo chuyến:

WS

Voyages	Size	RATE			
		This Week	Last Week	Low 2020	High 2020
N.Afr/Euromed	80.000	150,0	175,0	175,0	175,0
UK/Cont	80.000	135,0	150,0	150,0	150,0
Caribs/USG	70.000	390,0	400,0	400,0	400,0

- Cước thuê tàu định hạn:

US\$

Period	Segment	RATE			
		This Week	Last Week	High 2020	Low 2020
1 year	Aframax	27.500	27.500	27.500	27.500

❖ THỊ TRƯỜNG TÀU MR:

Phân khúc tàu MR phía đông Suez: Nhìn chung cước thị trường tàu MR ở khu vực phía đông tăng nhẹ. Đơn cử cước từ khu vực WC.India đi Japan tăng thêm 13 điểm và hiện ở mức WS \$160. Trong khi đó tại thị trường Far East, cước trên tuyến S.Korea/Japan đã giảm hẳn 50 điểm và hiện ghi nhận ở mức cước WS \$470'.

Phân khúc tàu MR phía tây Suez: Theo ghi nhận, cước trên tuyến UKC/USAC giảm nhẹ 2 điểm, hiện dao động quanh mức WS 165. Đối với chiều ngược lại từ khu vực USG, tuyến USG/UCK có nhiều dấu hiệu đáng kể hơn với mức WS 175, tăng thêm 5 điểm so với tuần trước.

- Cước thuê tàu theo chuyến:

Voyages	Size	RATE			
		This Week	Last Week	Low 2019	High 2019
WCI/Japan	38.000	160,0	147,5	148,00	148,00
UKC-Med/States	38.000	165,0	167,5	185,00	185,00
USG/UKC-Med	38.000	175,0	170,0	131,00	131,00

- Cước thuê tàu định hạn:

US\$

Period	Segment	RATE			
		This Week	Last Week	High 2019	Low 2019
1 year	MR	16.500	17.000	17.500	17.000

4. THỊ TRƯỜNG TÀU PHÁ DỠ:

GIÁ PHÁ DỠ THAM KHẢO (dành cho tàu có lt ldt > 5.000)

Xếp loại	Giao tại	Tàu hàng rời		Tàu dầu	
		US\$	▼/▲	US\$	▼/▲
1	Bangladesh	380	▼ 5	390	▼ 10
2	Pakistan	370	▲ 10	380	
3	India	390		400	
4	Turkey	230	▼ 20	240	▼ 20

(đơn vị tính : usd/lt ldt)

CÔNG TY MÔI GIỚI TÀU BIỂN TIÊN PHONG – PIONEER SHIPBROKERS MUA – BÁN TÀU

Email: snp@pioneershipbrokers.com.vn

Các thông tin trên được chúng tôi tập hợp từ các nguồn thông tin khác nhau và chỉ mang tính tham khảo. Chúng tôi không chịu trách nhiệm về bất cứ khiêu nại nào liên quan đến tính chính xác của các thông tin trên.